

Các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực tự học của sinh viên khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Nguyễn Thủy Trang, Nguyễn Phương Yến, Phùng Thị Hải Yến,
Lê Thị Ánh Tuyết, Cao Thị Ánh Vân, Trần Thị Thanh Tâm

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 25/4/2023; Accepted: 02/5/2024; Published: 10/5/2024

Abstract: This research aims to research the important factors affecting students' self-study ability. With 478 surveys collected, the results show that there are four factors affecting the self-study ability of economics students at Hanoi University of Natural Resources and Environment, including: (1) Students, (2) School, (3) Family, (4) Career prospects. Based on the analysis and evaluation of factors, some solutions have been proposed to take advantage of these four factors to improve students' self-study ability.

Keywords: Bility, self-study, students.

1. Mở đầu

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục – Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế có nêu: “Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực...”. Theo đó, CTĐT của các trường cao đẳng - đại học hiện nay áp dụng theo thể chế tín chỉ, lấy SV làm trung tâm của CTĐT, giảng viên sẽ là người cung cấp các bài giảng, kiến thức chung cho SV, còn SV sẽ phải tự tìm kiếm các kiến thức chuyên sâu, thực tế. Nhưng hiện trạng SV ở các trường Cao đẳng- Đại học tại khu vực Hà Nội nói chung và SV Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội nói riêng vẫn còn rất nhiều những trường hợp tiếp thu kiến thức một cách thụ động, lười sáng tạo, ngại đổi mới. Với tình trạng như vậy thì nguồn nhân lực đầu ra sẽ không thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về năng lực tự học

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

Khái niệm năng lực: Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2016) trong Lý luận dạy học hiện đại nhận định: “Năng lực là khả năng thực hiện thành công và có trách nhiệm các nhiệm vụ, giải quyết vấn đề trong các tình huống xác định cũng như các tình huống thay đổi trên cơ sở huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính tâm lý khác như động cơ, ý chí, quan niệm, giá trị,... suy nghĩ thấu đáo và sự sẵn sàng

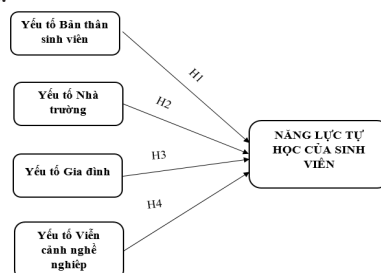
hành động”.

Khái niệm tự học: Theo tác giả Nguyễn Cảnh Toàn: “Tự học là tự mình động não suy nghĩ, sử dụng năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình rồi cả động cơ, tình cảm, cá nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình”. (Nguyễn Cảnh Toàn, 2002)

Khái niệm năng lực tự học: Năng lực tự học là khả năng tự mình sử dụng các năng lực trí tuệ và có khi cả hành động cùng các động cơ, tình cảm,... để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình. Năng lực tự học là năng lực tự giải quyết được các nhiệm vụ, bài toán, tình huống tương tự tình huống đã học, có thay đổi về vật liệu, nhưng cùng chất liệu với bài toán, tình huống, nhiệm vụ được học. (Lê Thanh Huy, 2018)

2.1.2. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Thông qua tổng quan và từ các công trình nghiên cứu đi trước, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:



Yếu tố bản thân SV: Theo nghiên cứu của Nguyễn Đức Giang và Phạm Hồng Nhung (2020), yếu tố bản

thân người học ảnh hưởng đến năng lực tự học của SV được phản ánh qua các khía cạnh như phương pháp học tập của SV; ý chí học tập của SV; sự hứng thú đối với môn học; khả năng nhận thức (lập luận khoa học; tư duy sáng tạo; tự đánh giá); khả năng siêu nhận thức (sự hiểu biết về cách học xảy ra); khả năng tạo động lực, kiên định kiên trì. Để có thể tiếp thu dễ dàng và có hiệu quả các kiến thức mới trong học tập hay việc tự học thì bản thân SV có cho mình phương pháp học tập hợp lý với từng môn học, loại hình học là điều vô cùng cần thiết.

Giả thuyết H1: Bản thân SV có ảnh hưởng thuận chiều đến đến năng lực tự học của SV Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

Yếu tố nhà trường : Trong xu thế phát triển của xã hội, nhà trường đóng vai trò định hướng cho sự phát triển các CTĐT bằng cách bổ sung, hoàn thiện các chương trình đã có sẵn, xây dựng các CTĐT mới phù hợp với thời tại, tiếp cận năng lực và phát triển năng lực tự học cho SV. Bên cạnh đó giảng viên trong nhà trường cũng đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến năng lực tự học của SV.

Giả thuyết H2: Nhà trường có ảnh hưởng thuận chiều đến năng lực tự học của SV Khoa kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

Yếu tố gia đình: Gia đình đóng vai trò quan trọng trong hình thành nhân cách của mỗi con người. Truyền thống của gia đình ảnh hưởng sâu sắc đến từng cá nhân. Gia đình là điểm tựa vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần cho SV phát huy năng lực sáng tạo, khả năng tự học của bản thân SV.

Giả thuyết H3: Gia đình có ảnh hưởng thuận chiều đến năng lực tự học của SV Khoa kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

Yếu tố viễn cảnh nghề nghiệp: Khi bản thân SV nhận thức được rằng việc nâng cao kiến thức và kỹ năng sẽ giúp họ thích nghi và phát triển trong lĩnh vực chuyên môn, họ sẽ có khuynh hướng tự tìm hiểu và học hỏi trau dồi thêm kiến thức. Viễn cảnh nghề nghiệp giúp người học nhận ra rằng việc đầu tư vào việc tự học và phát triển bản thân là cần thiết để duy trì và nâng cao địa vị trong sự nghiệp của mình.

Giả thuyết H4: Viễn cảnh nghề nghiệp có ảnh hưởng thuận chiều đến năng lực tự học của SV Khoa kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sẽ khảo sát SV bằng bảng câu hỏi chính thức. Thông tin thu thập được từ nghiên cứu định lượng dùng để đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá và cuối cùng tiến hành kiểm định mô hình nghiên cứu đề xuất. Sử dụng các công cụ thống kê để xử lý kết quả nghiên cứu nhằm rút

ra kết luận khách quan. Phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA, phân tích tương quan và phân tích hồi quy bằng phần mềm thống kê IBM SPSS 26.0 và Excel được sử dụng.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Kết quả thống kê mô tả mẫu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát SV thuộc Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường bằng phiếu khảo sát và Google biểu mẫu. Trong đó:

- Số phiếu phát ra : 490 phiếu
- Số phiếu thu về : 490 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ : 12 phiếu
- Số phiếu hợp lệ : 478

Một số đặc điểm của đối tượng được phỏng vấn thể hiện trong bảng sau

Bảng 2.1: Thông tin nhân khẩu học của đối tượng điều tra

Thông tin mẫu		Tuần suất (người)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	132	27,6
	Nữ	341	71,3
	Khác	5	1,1
Năm	Năm thứ 1	149	31,2
	Năm thứ 2	112	23,4
	Năm thứ 3	122	25,5
	Năm thứ 4	95	19,9
Ngành	Kế toán	128	26,8
	Quản trị kinh doanh	196	41,0
	Marketing	45	9,4
	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	47	9,8
	Quản trị du lịch và lữ hành	33	6,9
	Quản trị khách sạn	29	6,1
Xếp loại học lực năm học 2022-2023	Xuất sắc	27	5,6
	Giỏi	176	36,8
	Khá	224	46,9
	Trung bình	46	9,6
	Yếu kém	5	1,0

2.3.2. Kiểm định thang đo

Với mẫu nghiên cứu là 478 SV, trong quá trình đánh giá độ tin cậy của thang đo chính thức, nhóm tác giả sẽ giữ lại các thang đo với hệ số Cronbach's alpha lớn hơn hoặc bằng 0,6; hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn hoặc bằng 0,3.

Bảng 2.2. Tổng hợp kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo chính thức

TT	Biến	Số thang đo	Cronbach's Alpha
1	Bản thân SV (SV)	4	0.837
2	Nhà trường (NT)	8	0.909
3	Gia đình (GD)	6	0.894
4	Viễn cảnh nghề nghiệp (NN)	4	0.861

Qua phân tích, các thang đo đều có độ tin cậy đạt yêu cầu. Như vậy việc sử dụng các thang đo này để

tính các bước tiếp theo là hợp lý. Tất cả các thang đo đều đảm bảo yêu cầu đặt ra không có thang đo nào bị loại.

2.3.3. Đánh giá giá trị thang đo

Từ việc phân tích EFA, ta thu được kết quả như bảng 3, chúng ta có thể thấy rằng dữ liệu của bảng 3 hoàn toàn phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố. Giá trị KMO = 0,941 > 0,5 phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kết quả Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong thước đo đại diện qua bảng ta thấy hệ số Sig.=0,000 < 0,05, từ đó kết luận rằng các biến quan sát đưa vào phân tích có mối tương quan với nhau và phân tích nhân tố khám phá EFA thích hợp sử dụng trong nghiên cứu này.

Bảng 2.3. Kết quả kiểm định KMO and Bartlett

Yếu tố cần đánh giá	Kết quả	So sánh
Hệ số KMO	0,941	0,5<0,941<1
Sig	0,000	0,000<0,05
Tổng phương sai trích	65,824%	65,824%>50%
Eigenvalue	1,167	1,1671

Có 4 nhân tố được trích dựa vào tiêu chí eigenvalue lớn hơn 1, như vậy 4 nhân tố này tóm tắt thông tin của 22 biến quan sát đưa vào EFA một cách tốt nhất. Tổng phương sai trích Cumulative là 65,824% > 50%, điều này chứng tỏ rằng 4 nhân tố được trích giải thích được 65,824% biến thiên dữ liệu của 22 biến qua.

2.3.4. Kết quả phân tích hồi quy

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực tự học của SV Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội, tác giả sử dụng mô hình phân tích hồi quy tuyến tính bội với 4 biến độc lập (4 yếu tố) ảnh hưởng đến biến phụ thuộc năng lực tự học của SV.

Kết quả phân tích được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.4. Kết quả hồi quy mô hình

Biến độc lập	B	Beta	Sig.	VIF
Hằng số	.108			
SV	.180	.183	.000	1.426
NT	.146	.134	.002	2.609
GD	.244	.235	.000	2.547
NN	.395	.422	.000	2.043

Theo kết quả phân tích cho thấy, cả 04 biến đưa vào phân tích đều có hệ số hồi quy với Sig. nhỏ hơn mức ý nghĩa 5%. Do vậy, tất cả 04 biến đều có mối quan hệ tương quan thuận chiều với biến phụ thuộc. Do đó, nghiên cứu chấp nhận 4 giả thuyết (H1, H2, H3, H4) đã đặt ra. Phương trình hồi quy có dạng như sau: TH = 0,180SV + 0,146NT + 0,244GD + 0,395NN + 0,108

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy Viễn cảnh nghề nghiệp có tác động lớn nhất tới năng lực tự học của SV khoa Kinh tế trường ĐHTN&MTHN (hệ số beta

0,422). Yếu tố có sức ảnh hưởng lớn thứ hai là Gia đình (hệ số beta 0,235). Yếu tố có sức ảnh hưởng thứ ba là Bản thân SV (hệ số beta 0,183). Yếu tố cuối cùng là Nhà trường (hệ số beta 0,134).

3. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra được 4 yếu tố có ảnh hưởng đến năng lực tự học của SV Khoa kinh tế Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, theo thứ tự bao gồm: Viễn cảnh nghề nghiệp, Gia đình, Bản thân SV, và Nhà trường. Từ kết quả này, một số giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao năng lực tự học của SV như sau:

Về phía SV: Bản thân SV cần có ý thức tự học tập, rèn luyện, nâng cao, phát huy năng lực trí tuệ và tư duy của bản thân; phải xác định rõ mục tiêu học tập của bản thân mình. SV cũng cần chủ động tìm kiếm thông tin hơn để có thể xác định được nghề nghiệp định hướng mà bản thân cần theo đuổi. Đặc biệt, SV cần nâng cao kiến thức kỹ năng để nâng cao triển vọng nghề nghiệp cũng như cơ hội thăng tiến trong công việc.

Về phía nhà trường: Nhà trường cần đẩy mạnh các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho SV. Ngoài ra, nhà trường cũng cần quan tâm, trang bị cơ sở vật chất, cung cấp giáo trình, tài liệu học tập đầy đủ giúp SV thuận lợi trong việc tìm kiếm cũng như tự học của bản thân. Thêm vào đó, giảng viên trong trường cần có nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng tự học đối với sự phát triển nghề nghiệp; có các phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động tự học cho SV.

Về phía gia đình: Gia đình cần nhận thức được sự ảnh hưởng của gia đình đến năng lực tự học của SV và quan tâm hơn đến vấn đề tự học của SV. Gia đình cũng cần hỗ trợ SV trong việc định hướng, tiếp cận việc làm; hỗ trợ về tài chính cũng như tinh thần, giúp SV có cái nhìn khách quan hơn về định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Tài liệu tham khảo

1. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2016), *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư Phạm.
2. Lê Thanh Huy (2018). *Vận dụng B-Learning trong tổ chức dạy học chương Các định luật bảo toàn (Vật lý 10) với sự hỗ trợ của Facebook theo hướng phát triển năng lực tự học của học sinh*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, tr.147-152.
3. Lê Chi Lan (2020), *Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến ý thức tự học của SV đại học hiện nay*, Tạp chí khoa học và công nghệ, số 35.
4. Hà Thị Thanh Thủy(2018), *Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của SV trong học chế tín chỉ*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Giáo dục cho mọi người, tr.263-275.